

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI M&C
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI M&C

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: M&C TRADING SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: M&C TS.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108836801

3. Ngày thành lập: 24/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 17 ngách 23/2, đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
2.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933
3.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
4.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm: Tư vấn luật, tài chính, kế toán, hoạt động của công ty luật văn phòng luật sư)	7020

5.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kV. - Thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp. - Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng, tín hiệu điều khiển giao thông. - Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật. - Thiết kế quy hoạch xây dựng. - Thiết kế kiến trúc công trình. - Thiết kế nội ngoại thất công trình; Thiết kế cảnh quan; - Thiết kế cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp. - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình; - Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát công tác lắp đặt phân điện và thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình, công nghệ; - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quản lý dự án các công trình xây dựng	7110
6.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sản xuất, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4773
7.	Trồng cây cao su	0125
8.	Trồng cây cà phê	0126
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
10.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng	4329
11.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Trừ quặng uranium và thorium)	0722
12.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh(Trừ loại Nhà nước cấm)	8299
15.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
16.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

17.	Khai thác quặng sắt (Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);	0710
18.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
19.	Khai thác và thu gom than cứng (Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);	0510
20.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
21.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chỉ gồm có các ngành nghề sau: Hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; văn phòng phẩm;	4649
22.	Bán mô tô, xe máy	4541
23.	Khai thác và thu gom than non (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0520
24.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
26.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
27.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4299
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Bán buôn đồ uống	4633
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy sử dụng cho sản xuất công nghiệp	4659
31.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
32.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
33.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
34.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
35.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
36.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
37.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
38.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
39.	Khai thác khí đốt tự nhiên (Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);	0620

40.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0810
41.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
42.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón (Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);	0891
43.	Khai thác và thu gom than bùn (Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);	0892
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
45.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
46.	Đúc sắt, thép	2431
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm: Vàng);	4662
48.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
49.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
50.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
51.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);	6619
52.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất và dịch vụ sàn giao dịch bất động sản)	6820
53.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
54.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
55.	Trồng cây chè	0127
56.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
57.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
58.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
59.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
60.	Trồng cây ăn quả	0121
61.	Trồng cây điều	0123
62.	Trồng cây hồ tiêu	0124
63.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
64.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
65.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719

66.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
67.	Xây dựng nhà để ở	4101
68.	Phá dỡ	4311
69.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
70.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
71.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
72.	Xây dựng nhà không để ở	4102

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THỊ HUỆ	Thôn Quán Bông, Xã Cẩm Lý, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	122118679	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		

2	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Tổ 41, Phường Yên Ninh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	060683356	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000		
3	NGUYỄN THỊ THANH DUNG	Tổ 45, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	80,000	013583519	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	80,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 18/05/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013583519

Ngày cấp: 19/10/2012

Nơi cấp: Công an TP. Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 45, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 45, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội